

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG
Địa chỉ: 174 Lê Đình Lý, P. Hoà Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẠN TƯỜNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Trịnh Minh Phiếu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ta	Thành viên
Ông Lê Đình Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Vĩnh Hùng	Thành viên
Ông Ngô Văn Sừ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Trịnh Minh Phiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ta	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Ngoại lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

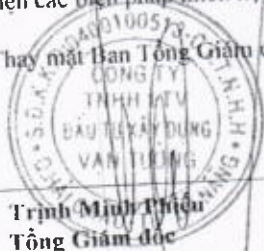
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Minh Phiếu
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN THUẾ - ATAX
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN

Trụ sở chính: Lô A92 đường 30 tháng 4, Đà Nẵng
Tel: 05113. 639 639 * Fax: 05113. 639 638
Email: atax@vnn.vn
Website: www.atax.vn

VPĐD: Lầu 4, Indochina Park Tower
4 Nguyễn Đình Chiểu, Q1, Tp. HCM
Tel: 08.62556668 * Fax: 08.22200823
Email: atax_hcm@vnn.vn

Số: 87-T/15/C-ATAX

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12/03/2015, từ trang 5 đến trang 31 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như việc đánh giá tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Báo cáo tài chính năm 2013 được chúng tôi kiểm toán với ý kiến chấp nhận từng phần. Những hạn chế nêu trong báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2013 của Công ty vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm 2014. Chúng tôi không thể khắc phục những hạn chế đã nêu bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

2. Tại ngày 31/12/2014 số dư khoản đầu tư vào dự án Thủy điện Thượng Nhật, công ty Thủy điện Miền Trung: 2.050.000.000 VND, Dự án này đã dừng hoạt động, khoản đầu tư này khó có khả năng thu tuy nhiên đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Chúng tôi không thu thập đủ bằng chứng để đánh giá tổn thất của khoản đầu tư này.
3. Tại ngày 31/12/2014, số dư công nợ Phải thu nội bộ và Phải trả nội bộ đối với các đội thi công đã dừng hoạt động với số tiền lần lượt là 6.226.107.282 VND và 1.080.120.558 VND. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện thu hồi số dư công nợ (bằng tiền hoặc tài sản) đối với các đội này. Bên cạnh đó, Báo cáo tài chính của các đội này cũng chưa được Công ty tổng hợp vào Báo cáo tài chính riêng kèm theo.
4. Công ty chưa xây dựng phương pháp ghi nhận doanh thu và chi phí hợp đồng xây dựng theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 15- Hợp đồng xây dựng. Giá vốn hoạt động xây dựng của một số công trình được ghi nhận theo giá trị ước tính.

Ngoài ra, Công ty chưa kiểm kê và xây dựng phương pháp ước tính giá trị sản xuất dở dang của hoạt động khai thác đá. Qua xem xét giá trị sản phẩm dở dang, chúng tôi thấy có một số công trình đang thi công có giá trị dở dang lớn hơn doanh thu còn được ghi nhận.


Đến ngày 31/12/2014, một số công trình thi công của Công ty có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lớn hơn doanh thu còn được ghi nhận với giá trị là 47.444.111.569 VND. Khoản chi phí này sẽ được bù đắp bằng giá trị doanh thu tăng lên do điều chỉnh giá của các Công trình này. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để đánh giá giá trị doanh thu tăng thêm từ quá trình điều chỉnh giá có đủ để bù đắp khoản chi phí nêu trên hay không cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính năm 2014.

5. Tính đến ngày 31/12/2014 số dư các khoản phải thu khác trên Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hồ Chí Minh là 12.783.073.766 VND. Chúng tôi không có đủ bằng chứng để xác định tính đúng đắn của khoản nợ phải thu nêu trên.
6. Một số công trình đã hoàn thành và được nghiệm thu khối lượng từng phần nhưng Công ty chưa kết chuyển chi phí cũng như chưa ghi nhận doanh thu với số tiền 60.357.786.096 VND. Hầu hết các công trình xuất hóa đơn hạch toán doanh thu chậm hơn so với thời điểm nghiệm thu thanh toán. Trong khi đó, Công ty đã ghi nhận doanh thu, kết chuyển chi phí SXKD của một số hạng mục công trình khi chưa có đủ hồ sơ nghiệm thu, quyết toán với số tiền là 20.741.427.315 VND.
7. Như được trình bày tại Thuyết minh số V.20, nhiều khoản nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31/12/2014. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để đảm bảo tính đúng đắn của các khoản công nợ chưa được xác nhận cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính.
8. Năm 2014, Công ty hạch toán xử lý công nợ không thu hồi được, công nợ không còn phải trả và khoản chênh lệch công nợ nội bộ vào chi phí khác, thu nhập khác theo Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 31/12/2014 với số tiền lần lượt là 3.684.350.998 VND và 8.741.758.833 VND. Ngoài ra, Công ty cũng đã ghi nhận vào doanh thu và thu nhập khác một khoản tiền là 2.590.618.251 VND.
Do không có đủ thông tin liên quan đến các khoản chi phí, thu nhập nêu trên nên chúng tôi không đưa ra ý kiến đối với việc xử lý, ghi nhận vào báo cáo tài chính các khoản mục này.
9. Nhiều khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập thêm là 23.474.489.003 VND.
10. Như trình bày tại Thuyết minh số V.17, Công ty hạch toán khoản tiền nộp chỉ tiêu năm 2014 cho Quân khu V và Bộ Quốc phòng vào lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 theo hướng dẫn tại Công văn số 3159/HD-CTC-TCĐN ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Cục Tài chính Bộ Bộ Quốc phòng. Việc phân phối này chưa phù hợp với quy định về phân phối lợi nhuận nêu tại Điều lệ Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên



Võ Thị Thu

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1702-2013-105-1*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ ATAX



Phó Giám đốc



Trần Thị Thanh Tiếng

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0819-2013-105-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÀU B01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		747.964.993.865	692.563.775.835
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		83.901.079.663	62.857.761.054
1. Tiền	111	V.01	48.901.079.663	41.057.761.054
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02	35.000.000.000	21.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.010.284.344	234.841.082.175
1. Phải thu của khách hàng	131		207.341.749.517	180.967.514.791
2. Trả trước cho người bán	132		35.826.123.876	32.814.451.453
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		7.037.803.088	9.725.004.299
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	36.193.401.776	19.517.760.200
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.388.793.913)	(8.183.648.568)
IV. Hàng tồn kho	140		378.430.273.394	374.379.730.695
1. Hàng tồn kho	141	V.04	378.520.438.144	374.469.895.445
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(90.164.750)	(90.164.750)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.623.356.464	20.485.201.911
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		452.145.682	309.621.960
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		917.081.120	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	7.826.298.377	4.713.698.504
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	3.427.831.285	15.461.881.447

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		202.053.656.570	184.912.157.842
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		185.967.375.506	173.781.935.266
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	58.868.568.709	56.269.909.266
- Nguyên giá	222		155.058.600.078	143.544.280.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.190.031.369)	(87.274.371.284)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	-	102.007.900
- Nguyên giá	225		-	1.020.079.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(918.071.100)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	116.073.318.000	116.098.761.990
- Nguyên giá	228		116.715.989.130	116.715.989.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(642.671.130)	(617.227.140)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	11.025.488.797	1.311.256.110
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.851.182.573	3.341.182.573
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	10.760.000.000	4.250.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(908.817.427)	(908.817.427)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.235.098.491	7.789.040.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.932.395.436	7.575.750.003
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		302.703.055	213.290.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		950.018.650.435	877.475.933.677

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		709.040.423.193	642.846.305.549
I. Nợ ngắn hạn	310		701.004.037.841	637.385.963.049
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	128.218.765.816	110.760.221.639
2. Phải trả người bán	312		133.127.463.368	94.436.386.954
3. Người mua trả tiền trước	313		189.999.757.611	230.872.932.052
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	15.265.778.209	12.541.579.063
5. Phải trả người lao động	315		26.299.618.551	31.691.867.698
6. Chi phí phải trả	316	V.15	933.960.714	5.738.205.432
7. Phải trả nội bộ	317		1.080.120.558	5.358.965.956
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	186.759.143.308	128.966.747.565
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		12.631.947.934	11.927.002.344
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.687.481.772	5.092.054.346
II. Nợ dài hạn	330		8.036.385.352	5.460.342.500
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.000.000.000	1.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	7.036.385.352	4.460.342.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		239.611.778.916	233.086.294.580
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	239.611.778.916	233.086.294.580
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		222.974.182.963	219.914.027.498
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.655.321.739	9.540.113.907
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		982.274.214	961.320.402
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	670.832.773
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		5.000.000.000	2.000.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.19	1.366.448.326	1.543.333.548
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		950.018.650.435	877.475.933.677



Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập biểu



Ngô Văn Sửu
Kế toán trưởng

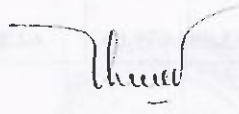


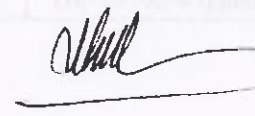
Trịnh Minh Phiến
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 12/03/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2014

MẪU B02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		783.688.458.775	743.068.905.168
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	315.177.497
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	783.688.458.775	742.753.727.671
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	712.565.383.965	672.335.431.308
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		71.123.074.810	70.418.296.363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.330.856.242	3.642.438.822
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.478.685.050	12.450.298.511
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.478.685.050	12.450.298.511
8. Chi phí bán hàng	24		2.076.226.661	2.482.942.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		52.914.639.730	50.350.601.232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		8.984.379.611	8.776.892.842
11. Thu nhập khác	31	VI.5	17.435.844.299	12.782.832.482
12. Chi phí khác	32	VI.6	7.641.552.797	3.108.389.477
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		9.794.291.502	9.674.443.005
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.778.671.113	18.451.335.847
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.509.303.875	4.554.646.419
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.269.367.238	13.896.689.428
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	147.583.210
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		14.269.367.238	13.749.106.218


Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Ngô Văn Sửu
Kế toán trưởng


Trịnh Minh Phiếu
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 12/03/2015